

MỘT SỐ BIẾN ĐỔI TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI DAO Ở XÃ BÀNH TRẠCH, HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

ThS. Lý Cẩm Tú

Viện Dân tộc học

Email: jirachi.lee.2712@gmail.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh đô thị hóa, hội nhập kinh tế thị trường, ngày càng có nhiều thay đổi cả về chất và lượng của lực lượng lao động ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta. Qua nghiên cứu người Dao ở xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, những phân tích trong bài viết này cho thấy lực lượng lao động người Dao đã và đang tìm kiếm những cơ hội việc làm mới với thu nhập cao hơn. Trong khi, kiến thức khoa học hiện đại và các kỹ thuật sản xuất mới ngày càng được ứng dụng nhằm nâng cao năng suất sản xuất nông nghiệp. Nhờ vào quá trình chuyển đổi này, đời sống của phần lớn người Dao nơi đây đã được cải thiện cả về vật chất và tinh thần.

Từ khóa: Chuyển dịch lao động, sản xuất nông nghiệp, người Dao, xã Bành Trạch.

Abstract: In the context of urbanisation and market integration, there are increasing changes in the quality and quantity of the labour force in our country's ethnic minority and mountainous areas. Through the study of the Dao people in Banh Trach commune, Ba Be district, Bac Kan province, this article shows that the Dao labour force has been seeking new job opportunities with higher income. Meanwhile, modern scientific knowledge and new production techniques are increasingly applied to improve agricultural productivity. Thanks to this transformation process, the lives of most Dao people here have been enhanced both materially and spiritually.

Keywords: Labour migration, agricultural production, Dao people, Banh Trach commune.

Ngày nhận bài: 29/7/2024; ngày gửi phản biện: 2/9/2024; ngày duyệt đăng: 22/10/2024.

Mở đầu

Bành Trạch là một xã vùng cao nằm ở phía đông bắc của huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Địa hình nơi đây vừa có đồi núi đất, núi đá vôi, vừa có các đai sinh thái từ thấp đến cao, có sông Năng chảy qua. Trên địa bàn xã có nhiều thành phần tộc người sinh sống gồm: Dao, Tày, Nùng, Hmông, Hoa, Kinh. Riêng người Dao chiếm khoảng 40% dân số toàn xã, đông nhất so với các tộc người khác, cư trú ở 6 trong tổng số 13 thôn của xã. Cụ thể, ở 4 thôn là Nà

Còi, Pàn Han, Bản Lấp, Vàng Kinh có gần 100% dân số là người Dao, thuộc hai nhóm Dao Tiền và Dao Đỏ; thôn Nà Nộc gồm người Dao Đỏ cộng cư với người Tày, trong khi Khuổi Khét có người Dao Đỏ xen cư với người Hmông, nhưng người Dao đều chiếm số đông ở hai thôn này (UBND xã Bành Trạch, 2022). Người Dao ở xã Bành Trạch chủ yếu trồng trọt, chăn nuôi, trao đổi buôn bán và khai thác tài nguyên thiên nhiên (Lý Cẩm Tú, 2021).

Qua tư liệu nghiên cứu thực địa trong các năm từ 2020 - 2023, bài viết này đề cập tới một số thay đổi về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp và quá trình di cư lao động của người Dao ở xã Bành Trạch, cũng như mối liên hệ của hai quá trình đó với sự biến đổi cuộc sống của người dân. Địa bàn nghiên cứu là ba thôn: Nà Còi và Vàng Kinh với dân số người Dao chiếm gần 100%, Nà Nộc có phần lớn dân số người Dao sinh sống với người Tày, người Kinh. Ba thôn này đều nằm sát bên ven bờ sông Năng. Những phân tích trong bài viết dựa trên quan điểm lựa chọn duy lý, theo đó “nông dân là những cá nhân tư lợi” (Popkin, 1979, p. 29). Họ sẽ chọn theo hướng mà họ tin là: (1) Tối đa hóa lợi ích mong đợi do lao động mang lại; (2) Có thể thành công cao nhất từ kết quả thay đổi kỹ thuật sản xuất. Từ đó, mục tiêu sinh kế hàng đầu của người dân là sự “thịnh vượng, an toàn của bản thân và gia đình” (Popkin, 1979, p. 31). Lựa chọn duy lý ở người Dao thể hiện ở sự gia tăng hiệu suất lao động khi sản xuất tại quê hương (chủ yếu trồng trọt) và tham gia thị trường lao động tại các đô thị.

1. Một số thay đổi kỹ thuật sản xuất nông nghiệp ở người Dao

Trước những năm 1960, khi còn du canh du cư, sinh kế của người Dao xã Bành Trạch chủ yếu là trồng trọt, khai thác nguồn lợi tự nhiên hoặc làm một số công cụ thủ công đủ để tự cung cấp các sản phẩm thiết thực, giản đơn trong cuộc sống. Sau năm 1960, nhờ chính sách định canh định cư của Đảng và Nhà nước, người Dao nơi đây đã thay đổi tập quán sinh sống, tự nguyện hạ sơn, định cư tập trung tại một số thôn như đã đề cập ở trên. Đặc biệt, họ đã tích cực làm ăn theo hợp tác xã (HTX), với hy vọng hiện đại dần sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất lao động, tạo ra nhiều lương thực, thực phẩm nhằm cải thiện đời sống gia đình.

Thời kỳ HTX nông nghiệp, đặc biệt từ Đổi mới đến nay, nhiều tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã được người Dao áp dụng, mở rộng diện tích ruộng nước, dẫn đến việc nâng cao đáng kể cả về tính đa dạng loại công cụ, kỹ thuật sản xuất và năng suất. Jacques Lemoine tại Hội thảo quốc tế về người Dao tổ chức ở thành phố Thái Nguyên năm 1995 đã nhận định sau một vài thập kỷ nữa người Dao ở Việt Nam, cũng như người Dao ở Thái Lan và Trung Quốc sẽ tham gia tích cực vào hoạt động thương mại và công nghiệp tại các đô thị (Lemoine, 1998, tr. 399). Nhận định này đến nay đã đúng phần nào, khi nguồn lao động của người Dao được nâng cao về chất lượng và số lượng ở địa phương, gia tăng tình trạng di cư lao động đến các đô thị.

Qua các báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Bành Trạch, chỉ từ năm 2012 đến 2018, diện tích canh tác nông nghiệp và sản lượng cây trồng ở xã đã tăng lên nhờ áp dụng tiến bộ khoa học. Sau năm 2000, người Dao các tại các điểm nghiên cứu gia cố các mương, rãnh dẫn nước bằng vật liệu mới thay vì máng tre, thân cây mọc. Năm 2002, hộ ông B.V.P ở thôn Nà Còi đã

xây bể xi măng hơn 5m^3 ở đầu mương dẫn vào ruộng nhà mình nhằm dự trữ nước cho các thửa ruộng xa mương khi hạn hán. Nhiều hộ khác học theo nên từ năm 2005, hầu hết các gia đình người Dao ở thôn Nà Còi, Nà Nộc, Bản Lấp đều có bể xi măng chứa nước tưới cho ruộng và để sinh hoạt. Ống nhựa tổng hợp phi 40mm được sử dụng từ những năm 2009, dẫn nước từ khe suối về ruộng, đến tận nhà bếp của gia đình. Thậm chí, người dân còn để ống nhựa chạy qua lòng mương đất như lớp đệm ngăn nước thấm ra ngoài, hạn chế hỏng hóc mương, tiết kiệm công sức lao động do không phải thường xuyên nạo vét, sửa mương sau khi mưa to.

Nếu trước kia người Dao chỉ làm lúa nương và lúa ruộng vụ Hè Thu thì khi có giống lúa ngắn ngày, họ làm thêm lúa nước vụ Đông Xuân từ cuối tháng 2 đến tháng 5-6 dương lịch. Do lượng mưa ít ở vụ Đông Xuân, các hộ ở những thôn gần sông Năng như Vàng Khinh, Nà Nộc thường dùng máy bơm lưu động chạy bằng dầu để đưa nước sông vào ruộng. Quá trình này đặc biệt phát triển trong những năm 2011-2013 khi việc đào vàng trái phép trên sông Năng bị ngăn chặn, nước sông dần trong sạch. Thực tế này góp phần cải thiện khả năng tưới nước cho cây trồng trong mùa khô. Theo Ủy ban nhân dân xã Bình Trạch, từ năm 2012 - 2020, hệ thống thủy lợi của xã được đầu tư, nhằm đáp ứng nhu cầu trồng trọt của người dân nơi đây; với tổng mức đầu tư gần 16 tỷ đồng từ kinh phí Chương trình Nông thôn mới (UBND xã Bình Trạch, 2015; 2020). Việc đầu tư trạm bơm, cứng hóa kênh mương, xây dựng một số bể, ao nước cạnh ruộng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất cây trồng, hiệu quả lao động. Ở phương diện này, đầu tư của Nhà nước và sự vận hành của chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng, góp phần từng bước cải tạo hạ tầng cơ sở nông nghiệp. Nhờ vậy, diện tích canh tác của người Dao được mở rộng thêm, tạo thuận lợi để phát triển những cây thương phẩm như lạc, đậu tương, khoai môn, dưa hấu, dong riềng,...

Bên cạnh đó, người Dao cũng đã sử dụng nhiều loại máy móc trong sản xuất nông nghiệp. Trước năm 1990, HTX Nông nghiệp Nà Còi được cấp một máy cày, một máy bơm Liên Xô, giúp một ngày cày được nhiều thửa ruộng ở bên bờ sông Năng. Đến năm 1992, khi HTX giải thể, nhà ông L.V. Th ở Nà Còi đã mua lại hai chiếc máy này với giá bằng hai con trâu. So với kinh tế gia đình khi đó, khoản tiền này rất lớn, nhưng ông Th. vẫn mua về sử dụng tại những mảnh ruộng nương gần bờ sông Năng. Khi trồng lúa giống cho thu hoạch sớm, người Dao dân bỏ nhíp, thay bằng liềm để thu hoạch nhanh hơn. Người dân chuyển sang phơi thóc, đập lấy hạt tại ruộng nhằm tiết kiệm công sức khi thu hoạch lúa. Chiếc máy xay xát đầu tiên tại Nà Còi được ông B.V.S mua vào năm 1994 với giá bằng một con trâu, rồi gia đình ông Th. kể trên cũng mua. Sau đó, không ít hộ người Dao có điều kiện kinh tế ở các thôn Nà Còi, Vàng Khinh, Nà Nộc đã tự mua sắm cho mình một máy xay mini nhằm phục vụ nhu cầu gia đình. Đến năm 2010, máy gặt đập liên hợp đã được vài hộ khá giả trong thôn Nà Còi sắm sửa với giá 70 triệu đồng/chiếc.

Việc tăng diện tích đất trồng và năng suất lúa cùng chính sách khuyến nông và yếu tố thị trường là những tác nhân quan trọng dẫn đến việc người Dao nơi đây sử dụng ngày càng nhiều phân bón, thuốc diệt cỏ hay thuốc trừ sâu. Từ năm 2015, thuốc diệt cỏ được người Dao

thôn Vàng Kinh phun vào đợt làm cỏ sau khi gieo mạ, do đợt nắng sớm từ đầu Tết Nguyên đán và bón phân thúc mạ nên cỏ dại mọc nhanh, trong khi nhổ cỏ theo truyền thống lại mất nhiều công. Hiện nay, việc sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu đã phổ biến ở các thôn. Quan sát thực địa trong năm 2022 cho thấy người Dao ở thôn Nà Còi hay mua phân NPK dạng viên về rải ra ruộng sau khi cấy được 5-6 ngày giúp lúa mọc nhanh hơn, sau làm cỏ lần đầu có thể bón thúc nếu lúa chưa cứng cáp. Lúc lúa ra đồng, phân kali dạng bột được rải ra khắp mặt ruộng, giúp bông lúa phát triển nhanh, đều. Gần đây, thuốc diệt cỏ được sử dụng cho cả ruộng, nương nhưng chỉ dùng một lần/vụ. Ở thôn Nà Còi, từ khi có phong trào đi làm ăn xa, những người già ở quê đã ít dùng thuốc diệt cỏ, do họ không biết pha và lo sợ có hại cho sức khỏe.

Ở thôn Nà Nộc, do diện tích chuyên canh cây hàng hóa như sắn, ngô, khoai, dưa hấu..., khá lớn nên phân chuồng, phân hóa học, thuốc diệt cỏ được người Dao Đỏ sử dụng rất nhiều. Trước khi trồng ngô, người Dao rải phân chuồng trên nương rồi cày bừa cho phân trộn với đất. Một mảnh nương cần 2-3 tạ phân chuồng tùy thuộc vào diện tích. Vì bón lót, cỏ dại mọc nhiều nên khi ngô mọc 2-3 lá, cần dùng thuốc diệt cỏ. Một gói thuốc diệt cỏ đem pha với 10 lít nước để phun các mảnh nương khoảng 1ha. Hồng không hạt ra quả vào tháng 5-6 dương lịch cần bón khoảng 2kg phân chuồng vào mỗi gốc. Khoai môn thì bón lót mỗi vụ nửa bao phân đạm cho mảnh nương khoảng 0,5ha và bón thúc nửa bao NPK 25kg khi khoai vừa ra củ. So với sắn, cây khoai môn (*hấu đang*) kén đất, chỉ phát triển trên nương có độ màu cao nên cần bón nhiều phân. Thời gian trồng khoai môn vào tháng 2 âm lịch, trồng bằng củ, cây giống mua sẵn, khoảng cách các khóm khoảng 40cm. Theo anh T.V.K - hộ có diện tích khoai môn lớn thứ hai ở Nà Nộc, năm 2021 giá phân đạm tăng cao. Một bao đạm tăng từ 500.000 lên 800.000 đồng, một bao NPK tăng từ 450.000 lên 600.000 đồng, nên một hecta cây khoai môn tốn khoảng 3-5 triệu đồng tiền phân và thuốc bảo vệ, chưa kể giống, công chăm sóc. Song, một hecta khoai môn cho thu nhập khoảng 30-50 triệu đồng, tùy thời điểm thu hoạch, nên hiệu quả sản xuất vẫn cao hơn so với các cây trồng khác (xem Bảng 1). Hiện tại anh K đã chuyển đổi cả 4 mảnh nương với tổng diện tích hơn 2ha của gia đình sang trồng khoai môn.

Bảng 1: So sánh chi phí đầu vào, đầu ra trên 1ha khoai môn (năm 2021)

Đầu vào (trên 1ha)	Đầu ra (trên 1ha)
- Phân chuồng 50kg/ha bón lót - 1 bao đạm/1ha 5 tuần sau khi trồng - 1 bao đạm, 1 bao NPK lúc cây được 4-5 lá (khoảng 4 tháng tuổi) - Làm cỏ 3 lần, 10 gói thuốc x 15.000 đồng - Phun thuốc rệp sáp 200.000 đồng/ha nếu bị	- Năng suất khoảng 5-6 tấn củ/ha tùy vào có rệp hay không, thấp so với xã khác. - Giá bán lúc cao (đầu hoặc cuối vụ) 15.000-18.000 đồng/kg. - Giá bán thấp (chính giữa vụ) chỉ còn 5.000 đồng/kg nhưng vẫn bán được.
Tổng chi khoảng 3-5 triệu đồng/ha	Tổng thu 30-60 triệu đồng/ha

Nguồn: Tổng hợp từ tư liệu điền dã năm 2022

Dưa hấu cũng được nhiều hộ người Dao các thôn Nà Nộc và Bản Lập lựa chọn, do những năm 2011 - 2013 việc ồ ạt trồng sắn làm đất nương bạc màu, sau nhiều vụ trồng lạc, đỗ tương vẫn khó trồng được khoai môn. Dưa hấu cho năng suất khoảng 8 tấn quả/ha, giá 5.000 đồng - 10.000 đồng/kg tùy thời vụ, song chi phí đầu vào, công chăm sóc rất cao, bởi mỗi hecta cần 10 tạ phân chuồng để bón lót, bón thúc khi cây vừa bò, bón thúc khi cây ra hoa. Mỗi lần bón tốn 1/2 bao đạm, 2 bao NPK, riêng tiền phân bón đã khoảng 5 triệu đồng/ha, chưa kể tiền thuốc trừ sâu, diệt cỏ và công chăm sóc. Trong khi, giá dưa hấu thất thường, ví dụ năm 2020 do dịch COVID-19, nhiều hộ người Dao ở Nà Nộc không bán được dưa đã để thối hỏng trên nương. Qua phỏng vấn, nhiều hộ trồng dưa muốn trở lại trồng đỗ, ngô lai, măng vầu lai hoặc trồng keo, xoan, mỡ,... Năm 2022, đã có 5-6 hộ người Dao trồng dưa hấu chuyển sang đỗ tương giống cũ, song nạn sâu hút mật hoa bùng phát khiến hầu hết diện tích đỗ không cho quả. Theo bà con, trước kia khi chưa trồng cây thương phẩm và dùng phân hóa học, không có loại sâu bệnh này. Điều này đặt ra vấn đề về môi trường và bền vững sinh thái trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa hiện nay.

Những chuyển biến trong kỹ thuật sản xuất nông nghiệp nêu trên góp phần cải thiện đời sống của người Dao ở xã Bành Trạch. Hầu hết các hộ người Dao nơi đây, nếu không thuộc diện neo đơn đều mua được những tài sản mà trước đây nằm ngoài khả năng kinh tế của họ như tivi, tủ lạnh, điện thoại di động, xe máy, máy cày/bừa..., kể cả những đồ dùng sinh hoạt đắt tiền như giường, tủ, bàn ghế,... Một số thôn tuy mới có điện lưới vào đầu năm 2024, giao thông liên thôn và liên xã chưa nâng cấp nhưng trước đó người dân đã chi tiền mua máy phát điện mini chạy xăng, dầu, để vận hành máy xay xát, máy cưa gỗ, máy bơm, máy cày bừa ruộng,... Họ còn thường xuyên huy động các gia đình có xe máy cùng phát quang đường sá, sửa chữa các đoạn đường hay bị lầy lội, sạt lở vào mùa mưa. Nhu cầu tiền mặt tăng cao dẫn đến phong trào mở rộng diện tích các cây thương phẩm kết hợp áp dụng các tiến bộ khoa học và nông cụ bằng máy. Tuy nhiên, quá trình này cũng tạo ra một số rủi ro đáng kể. Những năm đầu 2020, nhiều vụ trồng cây thương phẩm như ngô lai, sắn cao sản, đậu tương, dong riềng rớt giá, bị thương lái và đại lý ép giá hoặc bỏ hàng không thu mua. Niềm tin vào sự ổn định, lợi nhuận từ thị trường giá cả của người Dao ở đây dần giảm sút. Đây cũng là một trong số các nguyên nhân dẫn đến phong trào đi làm thuê, làm công nhân ngày càng phổ biến ở giới trẻ.

2. Quá trình di cư và chuyển dịch lao động ở người Dao

Những năm gần đây, đi làm công nhân đã thành phong trào với người Dao xã Bành Trạch và một số tộc người trong xã, kể cả các xã khác. Nghiên cứu thực địa cho thấy, từ 2015 đến 2023 đã có 75% trong số 30 nam nữ người Dao ở xã Bành Trạch được phỏng vấn đều trả lời rằng đã từng đi làm công nhân ở trong nước. Trường hợp ghi nhận đầu tiên là con gái ông B.V.N, người Dao Đỏ ở thôn Nà Còi là chị B.T.H đi vào tỉnh Bình Dương làm công nhân dệt may xuất khẩu, mức lương 5 triệu đồng/tháng. Chị đã thường xuyên gửi tiền về cho gia đình để đầu tư mở rộng sản xuất, sửa sang nhà cửa. Sau đó, các con khác của ông N. cũng đi theo

chị H. vào Bình Dương làm công nhân, giúp cho gia đình ông khá giả khá nhanh chóng. Theo chân chị H., từ năm 2015 nhiều thanh niên người Dao các thôn của xã Bành Trạch, chỉ cần có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông cũng đua nhau tìm tới các khu công nghiệp trong cả nước để làm công nhân. Những người không có bằng Trung học cơ sở thì đến các đô thị lớn như Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương..., làm việc trong các dịch vụ: mua bán hàng khô, tạp hóa và lương thực, thực phẩm; phục vụ trong các nhà hàng thực phẩm; sửa xe gỗ bằng thủ công hoặc bằng máy; phụ hồ hoặc sửa chữa công trình xây dựng, cắt tóc,... Sau đó, một vài trường hợp, thường là phụ nữ kết hôn với người tỉnh thành khác rồi định cư tại đó. Cá biệt có một nữ người Dao Tiên thôn Nà Còi thông qua gặp gỡ tại khu công nghiệp đã kết hôn với người Trung Quốc, hiện đã nhập tịch nước ngoài và thường xuyên gửi tiền về cho gia đình. Có thể nói phong trào di cư lao động góp phần đáng kể thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của người Dao ở địa phương.

Phỏng vấn về lý do đi làm ăn xa cho thấy, ước mơ kiếm tiền, thoát nghèo, cải thiện cuộc sống là động lực chính thôi thúc người Dao trong độ tuổi lao động nơi đây di cư. Họ thường trả lời: “Người thì đông mà đất thì ít nên bọn trẻ phải đi làm thuê” hoặc “*Bây giờ cái gì cũng cần dùng tiền*”,... Ông D.V.C ở Vàng Khinh có cả con trai, con gái làm công nhân cho biết rằng trong cơ chế thị trường, dù năng suất cây trồng tuy đã cải thiện nhưng chưa đem lại hiệu quả kinh tế như mong đợi do thiên tai, dịch bệnh, giá cả bấp bênh. Do đó, đi làm thuê, làm công nhân ở các khu công nghiệp, ngoài mức thu nhập tốt hơn còn ổn định hàng tháng. Giả sử một tháng người đi lao động thuê, làm công nhân tiết kiệm được 3 triệu đồng trừ chi phí sinh hoạt và thuê nhà ở thì sau một năm họ đã có 36 triệu. Với số vốn đó, họ có thể xây nhà hoặc mua đất trồng cây, xe máy, đầu tư mở dịch vụ để chuyển đổi sinh kế,... “*Khoản tiền tiết kiệm trong thời gian làm công nhân lớn hơn so với thu nhập từ hoạt động nông lâm nghiệp ở quê nhà. Ví dụ trồng lúa, một vụ nửa năm chỉ cho thu nhập 15-20 triệu đồng/1ha ruộng chưa kể công làm vất vả, giá lúa bấp bênh, rủi ro thời tiết. Trong khi, làm công nhân, lương một tháng đã 6-8 triệu đồng, nếu cố gắng có thể để được 4-5 triệu đồng sau khi chi trả cho các nhu cầu thiết yếu hàng tháng*” (PVS. T.V.D người Dao Tiên ở thôn Nà Còi từng đi làm công nhân ở Bắc Ninh). Theo đó, điển hình là năm 2020, nhờ tiền gửi về của các con đi làm ăn xa và vay không lãi suất từ họ hàng mà ông T.V.B người Dao Tiên ở Nà Còi đã xây được một căn nhà bê tông khang trang. Đến nay trong thôn này đã có 5-6 nhà xây kiên cố từ thu nhập đi làm ăn xa.

Chính quyền địa phương cũng có nhiều chính sách hỗ trợ các công ty đến địa phương tuyển công nhân để tạo cơ hội tìm việc làm, kịp thời giải quyết nguồn lao động trẻ ở địa phương. Ví dụ năm 2018, Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp với công ty CIP.CO tổ chức tuyển truyền xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và Đài Loan cho 13 thôn của xã, có 29 người thuộc các dân tộc Dao, Tày, Hmông trong độ tuổi lao động đến nghe tập trung. Năm đó, tổng số nhân công tuyển được cho các công ty, nhà máy trong nước là 145 người (đạt 263% chỉ tiêu); xuất khẩu lao động 01 người (UBND xã Bành Trạch, 2022). Rõ ràng, nhờ nỗ lực của chính quyền xã và việc mở rộng mạng lưới xã hội, những năm gần đây, số người dân xã Bành Trạch

đi làm ăn xa tại các thành phố trong nước đã tăng lên. Vì thế, người Dao nơi đây hầu như không đi làm thuê tự phát qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc, bởi họ không biết tiếng Trung, đồng thời không có mạng lưới môi giới việc làm thuê qua biên giới.

Ngoài đi làm công nhân qua các đợt tuyển chọn của các công ty tại địa phương, thanh niên Dao nơi đây còn tìm kiếm việc làm thuê qua mạng lưới xã hội. Họ thường di chuyển theo nhóm 3-5 người, tới cùng một thành phố, đăng ký tuyển và làm chung một công ty, hoặc các công ty cận kề. Vào các đợt tuyển công nhân, người đang làm hoặc làm gần đó biết thông tin thì báo tin cho anh em, họ hàng, bạn bè ở quê. Khi sống xa nhà, các nhóm thanh niên này thường chọn, thuê nhà ở cùng nhau, thậm chí mở rộng các nhóm đồng tộc, đồng hương liên lạc qua mạng xã hội. Theo anh L.V.H ở thôn Nà Còi, trong thời gian làm công nhân ở khu công nghiệp Quế Võ (Bắc Ninh), anh đã tham gia hai nhóm Facebook và một nhóm Zalo của người Dao ở Bành Trạch, kể cả nhóm dân tộc thiểu số làm cùng công ty. Nhiều người Dao đến từ những khu vực khác nhau trong huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn hoặc các tỉnh lân cận đã gặp gỡ, kết bạn, thậm chí kết hôn nhờ việc trao đổi, liên hệ, làm quen giữa các hội nhóm trên mạng xã hội.

Qua phỏng vấn 14 nam nữ người Dao trên dưới 25 tuổi, gồm 7 người Dao Đỏ ở thôn Nà Nộc và 7 người Dao Tiền ở thôn Nà Còi đi làm ăn xa trở về nghỉ Tết Nguyên đán năm 2022, cho thấy có sự khác nhau về dự định công việc tiếp theo của những thanh niên này. Có 3 nam Dao Đỏ và 5 nam Dao Tiền dự định sẽ ở lại quê xã Bành Trạch để tiếp tục làm nông hoặc chuyển đổi sang sinh kế khác. Có 4 nữ Dao Đỏ và 2 nữ Dao Tiền dự định sẽ quay lại làm công nhân hoặc chuyển đến nơi khác có việc làm mới ổn định. Tương tự, khi thảo luận nhóm với 30 nam nữ người Dao đi làm ăn xa trở về nghỉ Tết Nguyên đán tại 3 điểm nghiên cứu, có gần 60% mong muốn chuyển cư tới đô thị để làm việc mới hoặc sinh sống lâu dài. Có thể nói trong tương lai, xu hướng di cư lao động vẫn sẽ tăng cao ở giới trẻ. Với nhóm trở về ở quê, do sẵn đất đai với phong trào trồng cây thương phẩm, thì số người lựa chọn ở lại quê nhà ở Nà Nộc nhiều hơn Nà Còi. Đáng lưu ý, nhóm thanh niên muốn chuyển đổi sang sinh kế khác ở cả hai thôn đều có độ tuổi trẻ hơn, học vấn cao hơn nhóm còn lại. Theo họ, những thanh niên 22-25 tuổi trở xuống được gia đình đầu tư học lên các bậc học cao như trung cấp, cao đẳng, đã ở trọ xa nhà trong thời gian dài, đã làm quen với cuộc sống ở thành thị. Đây là tiền đề khiến họ khó quay trở lại với công việc đồng áng được đánh giá “bấp bênh nhiều rủi ro, ít tiền và vất vả, chỉ phù hợp cho người có sức khỏe tốt”.

Khảo sát thực địa còn cho thấy tại các điểm nghiên cứu đều ghi nhận số lượng nữ giới mong muốn đi làm công nhân hoặc chuyển cư nhiều hơn hẳn so với nam giới. Kết quả thảo luận nhóm chỉ ra rằng, trong khi nam giới người Dao có tư tưởng chăm sóc cha mẹ già và thừa kế đất đai, thì phụ nữ lựa chọn di chuyển cư nhiều hơn. Con gái trong nhà chỉ được chia đất nếu bắt rể đời, khi đó chú rể sẽ được coi như con trai, còn đi làm dâu sẽ mất quyền sở hữu

tài sản của nhà bố mẹ đẻ. Do vậy, nhiều phụ nữ tận dụng việc đi làm ăn xa, làm công nhân, để thoát ly và chuyển cư hoàn toàn tới sống ở đô thị. Cuối cùng, hầu hết những người đã có con cái và đang sinh sống cùng cha mẹ già thường lựa chọn ở lại quê, trong khi nhóm chưa lập gia đình chọn tiếp tục chuyển cư. Rõ ràng, trách nhiệm gia đình là một ràng buộc với thanh niên, khiến họ khó có thể hòa nhập hoàn toàn vào cuộc sống thành thị.

Nhìn chung, việc từng sinh sống tại các đô thị, làm công nhân được trả lương đã phần nào tác động đến tư duy của giới trẻ người Dao. Sau khi tiết kiệm đủ tiền, họ sẽ mua thêm đất cho thuê, xây nhà, làm vốn đi buôn hoặc chuyển đổi sang các dịch vụ phù hợp với điều kiện ở địa phương. Bên cạnh nhóm phụ nữ muốn chuyển cư như đã đề cập, trong nhóm nam giới, số người lựa chọn quay lại xã Bành Trạch cũng có một tỷ lệ rất cao, với mong muốn chuyển đổi sang sinh kế phi nông nghiệp. Tình trạng này khẳng định thêm xu hướng thay đổi hình thức lao động gia tăng ở người Dao nơi đây. Tuy vậy, ngoài những lợi ích về thu nhập, mở rộng mạng lưới xã hội và nâng cao hiểu biết, di cư làm ăn xa, làm công nhân, cũng tiềm tàng nhiều rủi ro như bị lừa đảo, phải làm việc trong điều kiện thiếu thốn, sống trong môi trường có nhiều tệ nạn xã hội. Các dịch vụ cầm đồ, vay lãi nhanh, tín dụng đen..., đã xuất hiện ở các khu trọ của công nhân. Một số người sau khi đi làm ăn xa bắt đầu nghiện đánh bạc, hút thuốc lá, rượu bia..., khi về quê đem xe máy của gia đình đi bán. Chị B.T.H - người Dao Đỏ ở thôn Nà Còi cho biết, khi làm việc tại một xưởng linh kiện điện tử ở Bắc Ninh đã bị mất trộm điện thoại trị giá 3,5 triệu đồng, chủ nhà máy thường nợ lương công nhân, nên chị đã chuyển sang công ty khác. Ông L.X.N - người Dao Tiền ở Nà Còi kể rằng, từ khi đi làm ăn xa, con trai của ông hay uống rượu, đánh bạc. Như vậy, di cư từ nông thôn tới các đô thị kiếm việc làm mới cũng khiến cộng đồng người Dao xã Bành Trạch trở nên nhạy cảm hơn với những tác động xấu từ bên ngoài.

Đáng lưu ý, đường liên thôn và xã thuộc dự án 30A là một tác nhân thúc đẩy sự chuyển đổi sinh kế ở nhóm thanh niên đi làm ăn xa trở về quê. Phỏng vấn một số người cho thấy họ có ý định cho thuê đất ruộng lấy thóc ăn hàng tháng, trồng keo trên nương vì không tốn công chăm sóc, sử dụng một phần thu nhập từ đi làm thuê về để sau này làm lán sửa xe máy, bán hàng, khi đường liên xã thi công xong. Thậm chí, một vài hộ ở thôn Nà Còi do cư trú gần đường liên xã, từ đầu năm 2021 đã cải tạo căn nhà đang ở cùng với bố mẹ mình để thành nhà xây, dành một chỗ bán tạp hóa. Tại hai thôn Nà Nộc và Vàng Khinh, song song với phong trào trồng cây thương phẩm, nhiều thanh niên đã và đang hướng tới các nghề mới như mở đại lý vật tư, dịch vụ xay xát thóc, vận chuyển,... Điều đã tại xã Bành Trạch năm 2021 cho thấy, ngay từ khi dự án làm đường liên xã được triển khai năm 2019, một vài hộ người Dao gần cung đường này thuộc thôn Nà Còi (thôn xa nhất tính từ trung tâm xã) đã tiến hành sửa nhà, chuẩn bị vật dụng cần thiết để bán hàng, mở dịch vụ mới với mục đích kiếm thêm thu nhập lúc nông nhàn và tạo việc làm bán hàng cho bố mẹ lớn tuổi trong nhà. Đường liên thôn là trục giao thông buôn bán duy nhất trong xã, sẽ thúc đẩy các dịch vụ khác phát triển như buôn bán nông sản, vật nuôi, hàng tiêu dùng, kết hợp phát triển các dịch vụ tại chỗ như bán tạp hóa, sửa

xe máy và nông cụ,... Đây là chiến lược làm ăn thể hiện sự nhanh nhạy của nhóm thanh niên người Dao, phù hợp với bối cảnh phát triển cơ chế thị trường tại địa phương hiện nay.

Kết luận

Trong bối cảnh đô thị hóa, toàn cầu hóa hiện nay, khi những biến động bất thường về môi trường sống, khí hậu, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xuất hiện, thì nhu cầu ổn định kinh tế - xã hội, nhất là việc làm có thu nhập cao của mỗi người dân, từng cộng đồng tộc người và địa phương ngày càng lớn. Với trình độ học vấn được nâng cao, một số nghề mới được đào tạo, chất lượng và hiệu suất lao động hiện nay của người Dao ở xã Bành Trạch được nâng cao rõ rệt. Điều này thể hiện qua việc ngày càng áp dụng kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp ở đồng bào từ khi định canh định cư, làm ăn theo HTX. Đặc biệt trong quá trình xây dựng nông thôn mới gần đây, việc áp dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ lại càng được tăng cường. Đồng thời, xuất hiện phong trào lao động di cư của giới trẻ người Dao tới các đô thị và khu công nghiệp.

Việc phát triển kỹ thuật sản xuất nông nghiệp và di cư lao động của đồng bào Dao đến nay vẫn đảm bảo gắn kết với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Trong số người trẻ di cư và chuyển dịch lao động, bên cạnh ước mong định cư tại đô thị đối với phần lớn nữ giới chưa lập gia đình, vẫn có bộ phận không nhỏ muốn trở về phát triển quê hương bằng những đồng vốn tiết kiệm và kiến thức, kinh nghiệm tiếp thu được. Họ muốn thay đổi dần từ sản xuất nông nghiệp sang đa dạng hóa kinh tế, với việc kết hợp giữa nông nghiệp và một số ngành nghề phi nông nghiệp như buôn bán, làm du lịch, mở dịch vụ sửa chữa nông cụ hay gia dụng.... Điều này khẳng định xu hướng nâng cao nhu cầu, khát vọng của đồng bào Dao xã Bành Trạch về sự đổi mới sản xuất, đảm bảo đa dạng việc làm, gia tăng chất lượng lao động, đời sống ngày càng tốt hơn; qua đó không ngừng thúc đẩy tiến trình đổi mới kỹ thuật sản xuất nông nghiệp tại quê nhà gắn với đảm bảo ổn định xã hội, nâng cao dân trí..., nhằm thích ứng với sự phát triển chung của địa phương, vùng, miền, đất nước.

Tuy nhiên, quá trình nêu trên đối với người Dao nơi đây cũng gặp một số thách thức. Đó là sản xuất nông nghiệp hiện tại vẫn manh mún tùy theo thế mạnh mỗi gia đình, trong khi giá cả thị trường luôn biến đổi; thiếu việc làm có thu nhập ổn định tại địa phương do ít đất sản xuất, dân số tăng,...; mai một các giống cây/con truyền thống quý hiếm, các kinh nghiệm dân gian trong trồng trọt, khai thác, bảo vệ tài nguyên. Vì thế, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa lãnh đạo xã, cán bộ thôn và người dân với các nhà khuyến nông - lâm, khuyến công, doanh nghiệp trong sản xuất; đẩy mạnh truyền thông về cách thức tạo việc làm mới, mở nhiều lớp đào tạo lao động chất lượng cao tại chỗ, ưu tiên cho vay vốn phát triển các ngành nghề công nghiệp nông thôn; chính quyền xã, các đoàn thể thôn, chủ gia đình cần nâng cao tuyên truyền, giáo dục lớp trẻ về việc thực hành các giá trị của tộc người trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, bao gồm bảo tồn các cây/con giống quý hiếm, kinh nghiệm trong hoạt động nông - lâm nghiệp, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, giữ gìn bản sắc tộc người,...

Tài liệu tham khảo

1. Lemoine, Jacques (1998), “Khái quát về di sản văn hóa Dao và hiện đại hóa ở Việt Nam”, trong Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia: *Sự phát triển văn hóa - xã hội của người Dao: Hiện tại và tương lai* (Kỷ yếu Hội thảo), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Popkin, Samuel L. (1979), *The Rational Peasant: The Political Economy of Rural Society in Vietnam*, University of California Press.
3. Lý Cẩm Tú (2021), “Quan hệ dân tộc với sự đổi mới sinh kế của người Dao ở xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn”, trong Viện Dân tộc học: *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Ủy ban nhân dân xã Bành Trạch (2015), *Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn xã Bành Trạch và định hướng giai đoạn 2016-2020*.
5. Ủy ban nhân dân xã Bành Trạch (2020), *Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn xã Bành Trạch và định hướng giai đoạn 2021-2025*.
6. Ủy ban nhân dân xã Bành Trạch (2022), *Báo cáo Thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và phương hướng nhiệm vụ năm các năm 2012-2022*.



Rừng trồng mỡ của người Dao ở thôn Nà Còi, xã Bành Trạch,
huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

Ảnh: Lý Cẩm Tú, chụp tháng 2/2021